

SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG VIỆT NAM

Vũ Thị Mai Hương¹

Title: School based curriculum development under participating of stakeholders at schools in Vietnam

Từ khóa: chương trình nhà trường, phát triển chương trình nhà trường, các bên có liên quan, tham gia phát triển chương trình nhà trường

Keywords: curriculum, school curriculum, School based curriculum Development, stakeholders, participation in School based curriculum Development

Lịch sử bài báo:

Ngày nhận bài: 16/5/2019;

Ngày nhận kết quả bình duyệt: 18/5/2019;

Ngày chấp nhận đăng bài: 29/5/2019.

Tác giả: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Email: huongvtm@hnue.edu.vn

TÓM TẮT

Phát triển chương trình nhà trường là chương trình do nhà trường thiết kế và thực thi sao cho phù hợp với đặc trưng của mỗi nhà trường. Do đó, các bên liên quan như cộng đồng, chính quyền địa phương, giáo viên, học sinh, lãnh đạo nhà trường, phụ huynh học sinh đóng vai trò quan trọng trong phát triển chương trình nhà trường. Bài viết tìm hiểu thực tiễn sự tham gia của các bên liên quan trong phát triển chương trình nhà trường tại các trường phổ thông ở Việt Nam trên hai bình diện: mức độ tham gia và hiệu quả tham gia của các thành phần trong phát triển chương trình nhà trường.

ABSTRACT

School-Based Curriculum Development (SBCD) is a curriculum designed and implemented by school to match with the characteristics of each school. Stakeholders such as communities, local authorities, teachers, staff, students, school leaders, and parents play an important role in decision making relating to school activities as well as School-Based Curriculum Development. The paper investigates the practical implementation of School-Based Curriculum Development at schools in Vietnam on two aspects: the level of participation and the effectiveness of participation in School-Based Curriculum Development.

1. Đặt vấn đề

Malcolm Skilbeck (1984) cho rằng phát triển chương trình nhà trường (School-based curriculum development – SBCD) được biết đến từ những năm 60, 70 của thế kỷ XX. SBCD gắn với quá trình trao quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội cho các nhà trường và tự chủ nghề nghiệp của giáo viên.

Nhiều thành phần khác nhau được thu hút tham gia vào quá trình phát triển chương trình nhà trường. Đối mới giáo dục hiện nay của Việt Nam đang đi theo tiếp cận năng lực, hướng tới trao quyền tự chủ trong phát triển chương trình cho các nhà trường. Điều này đặt ra vấn đề nhất thiết phải thu hút các cơ sở giáo dục, cụ thể là huy động các thành

phần khác nhau có liên quan đến nhà trường cùng tham gia vào quá trình phát triển chương trình. Bài viết tìm hiểu vai trò của các bên có liên quan trong quá trình này, từ đó bước đầu đưa ra một số đề xuất vận dụng tăng cường sự tham dự của các bên có liên quan trong phát triển chương trình nhà trường đáp ứng đổi mới chương trình giáo dục phổ thông tại Việt Nam.

2. Khái quát phát triển chương trình nhà trường có sự tham gia của các bên liên quan

2.1 Phát triển chương trình nhà trường có sự tham gia

2.1.1 Chương trình nhà trường

Masahiro Arimoto (2012) cho rằng chương trình nhà trường (School based curriculum development – SBCE) xuất hiện cùng với xu hướng quản lý dựa vào nhà trường ở nhiều quốc gia trên thế giới. The commonwealth of learning (2000) từ góc nhìn của giáo viên cho rằng chương trình nhà trường là một chương trình do nhà trường lựa chọn nội dung và kiến thức học tập và có khả năng sửa đổi hoặc thay đổi các hành vi của người học. Skilbeck (1984) làm rõ khái niệm “chương trình dựa vào nhà trường” hay “chương trình nhà trường” là những quyết định quan trọng liên quan đến thiết kế nội dung, tổ chức thực hiện chương trình và việc đánh giá học tập sẽ được thực hiện ở cấp độ nhà trường.

Như vậy, *chương trình nhà trường là chương trình do nhà trường thiết kế và thực thi phù hợp với đặc trưng của mỗi nhà trường.*

2.1.2 Phát triển chương trình nhà trường có sự tham gia

Thuật ngữ SBCE trong thập niên 70 và 80 đối diện với mối quan hệ giữa tự chủ, trách nhiệm xã hội của nhà trường và trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục cũng như các tổ chức có liên quan tới giáo dục. Nhiều học giả trong đó có Rachel Bolstad (2004) quan niệm thuật ngữ phát triển chương trình “tập trung vào nhà trường” hơn là phát triển chương trình “dựa vào nhà trường”. Colin J. Marsh, Christopher Day, Lynne Hannay & Gail McCutcheon (1990) quan niệm thuật ngữ “tập trung vào nhà trường” phản ánh một vị trí trung gian giữa hai thái cực tập trung và phi tập trung (Marsh et al 1990), và chỉ ra rằng việc đưa ra quyết định về chương trình không hoàn toàn chỉ diễn ra trong trường học.

Skilbeck (1984, cited in Marsh et al., 1990; p. 48) định nghĩa SBCE là “lập kế hoạch, thiết kế, áp dụng và đánh giá chương trình học của người học thông qua cơ sở giáo dục trong đó người học là thành viên”.

Theo W. Reid (1987), quan niệm về “chương trình là những văn bản nhằm xác định khối lượng tri thức mà học sinh phải học” cần phải được chuyển dần sang hướng “chương trình là phương tiện giúp học sinh hình thành bản sắc cá nhân và tập thể”. Như vậy, mục tiêu cuối cùng của việc dạy học (thực hiện chương trình) là làm cho người học biết rõ được họ là ai, có năng lực làm gì. Theo cách tiếp cận này của W. Reid, phát triển chương trình có thể được xem là quá trình thiết kế và thực hiện một dự án lớn một cách tổng thể, ở đó có nhiều người với các vị thế khác nhau sẽ tham gia và mọi ý kiến đều được cân nhắc một cách cẩn trọng.

Rachel Bolstad (2004) dẫn ra nghiên cứu của Bezzina nhấn mạnh tính phối hợp giữa cán bộ nhân viên là một đặc trưng nổi bật của SBCE. Theo đó, “SBCE là một quá trình trong đó một bộ phận hoặc toàn bộ thành viên của hội đồng trường lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá một hoặc nhiều lĩnh vực/khía cạnh của chương trình nhà trường. Điều này đồng nghĩa với việc có thể duy trì chương trình đang có, hoặc tạo nên một chương trình mới. SBCE là một nỗ lực của tập thể không phải là những nỗ lực có tính cá nhân của giáo viên, các nhà quản lý đối với việc vận hành ngoài giới hạn của chương trình hợp tác được chấp nhận” (Bezzina, 1991, tr.40). Cũng theo Bezzina (1991) có thể có hai loại sản phẩm chính theo tiếp cận xây dựng chương trình nhà trường. Trong đó việc điều chỉnh làm chương trình đã được xây dựng từ cấp trên phù hợp hơn đối với điều kiện cụ thể của địa phương và nhà trường mang nhiều sắc thái của SBCE vì nó được thực hiện dựa trên sự hợp tác cao giữa các thành viên trong nhà trường và nhà quản lý giáo dục các cấp bên ngoài nhà trường.

Rachel Bolstad (2004) trình bày quan niệm của tổ chức OECD liên quan đến định nghĩa phát triển chương trình nhà trường như sau: “Bất kỳ một quá trình nào dựa trên cơ sở hoạt động và nhu cầu của nhà trường, có liên quan đến chương trình của nhà trường, liên quan đến sự phân phối lại quyền lực, trách nhiệm giữa các cơ quan giáo dục trung ương, địa phương và nhà trường” (OECD, 1979; tr.4)

Như vậy, *phát triển chương trình nhà trường có sự tham là mọi hoạt động (hoặc*

quá trình) liên quan đến chương trình do nhà trường khởi xướng hoặc xuất phát từ yêu cầu/nhu cầu của nhà trường với sự tham dự của các bên có liên quan. Quá trình này dẫn đến việc phân bổ lại quyền lực, trách nhiệm, phạm vi điều hành giữa các nhà quản lý giáo dục cấp trung ương và địa phương, theo đó nhà trường được trao nhiều quyền tự chủ hơn về mặt thể chế, quản lý và trách nhiệm chuyên môn, cho phép họ có đủ khả năng điều hành các hoạt động liên quan đến quá trình phát triển chương trình.

Từ những quan điểm về phát triển chương trình nhà trường (SBCE) trên, có thể thấy đây là một thuật ngữ còn nhiều cách hiểu khác nhau, dựa trên những cách tiếp cận khác nhau. Những điểm chung có thể rút ra khi nghiên cứu về SBCE bao gồm:

- SBCE ra đời từ quan điểm quản lý dựa vào nhà trường, đó là sự phân quyền ra quyết định các vấn đề của nhà trường cho chính nhà trường, trao nhiều hơn quyền tự chủ cho nhà trường.

- SBCE thể hiện sự trao toàn quyền hoặc một phần quyền quyết định về chương trình cho nhà trường với sự tham gia của các bên liên quan như các nhà quản lý giáo dục cấp trung ương, địa phương, nhà trường, giáo viên, học sinh, phụ huynh và cộng đồng.

- SBCE không những hàm ý trao toàn quyền tự chủ cho nhà trường trong việc quyết định nội dung sẽ giảng dạy, mà còn là trách nhiệm trong chuẩn bị những tài liệu giảng dạy cho chương trình. Theo nghĩa hẹp, SBCE quy định các nhà quản lý giáo dục ở trung ương sẽ ủy thác một số quyền,

hoặc trao một số quyền tự chủ cho các nhà chức trách địa phương hoặc trường học thực hiện xác định một phần nào đó của chương trình nhà trường.

SBCD được nghiên cứu này tiếp cận theo quan điểm: *Phát triển chương trình nhà trường (SBCD) là quá trình do nhà trường khởi xướng hoặc xuất phát từ yêu cầu/nhu cầu của nhà trường, điều chỉnh (cải biên) và làm chương trình đã được xây dựng từ cấp trung ương phù hợp hơn đối với điều kiện cụ thể của địa phương và nhà trường, trong đó một bộ phận hoặc toàn bộ thành viên của hội đồng trường lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá một hoặc nhiều lĩnh vực/khía cạnh của chương trình nhà trường.*

2.2 Các bên có liên quan trong phát triển chương trình nhà trường

Theo Arie Lewy (1991) SBCD có thể bị ảnh hưởng hoặc tích cực hoặc tiêu cực bởi pháp luật hoặc các văn bản được luật pháp quy định. Các bên liên quan là bất cứ cá nhân hoặc nhóm người hay một tổ chức nào ***có ảnh hưởng*** hoặc ***bị ảnh hưởng*** bởi hoạt động của nhà trường. Họ có thể thúc đẩy hoặc cản trở thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường. Các bên liên quan trong hoạt động của nhà trường có thể được xác định: Liên đới trực tiếp (*liên đới chính cấp*) và liên đới gián tiếp (*liên đới thứ cấp*). “Phát triển chương trình là quá trình liên tục (xây dựng/thiết kế, thực hiện và đánh giá, điều chỉnh) và phức tạp, với sự tham gia của nhiều bên liên quan bao gồm: Các cơ quan quản lý giáo dục cấp trung ương và địa phương hay các tổ chức khác có liên quan; các chuyên gia môn học hay lĩnh vực môn

học từ các trường đại học, trường phổ thông; các nhà tâm lý; cha mẹ học sinh; giáo viên và trong một số trường hợp là đại diện các doanh nghiệp....

Rachel Bolstad (2004) dẫn nghiên cứu của Marsh et al (1990) đã đưa ra tổng kết rằng: SBCD được sử dụng ở nhiều thời điểm khác nhau, có khi như một khẩu hiệu, có khi như là một triết lý giáo dục, hoặc cũng có khi như là một phương pháp hay một kỹ thuật phát triển chương trình. Khi được tiếp cận như một khẩu hiệu, SBCD “liên quan đến hành động ở cấp địa phương, nó bao hàm sự tham gia, kiểm soát tận gốc; nhiều nội dung khác được tổ chức sao cho đi kèm với số đông” (Rachel Bolstad, 2004, tr.47).

Trong khi đó, Skilbeck (1984) phân tích SBCD như một triết lý giáo dục, nhấn mạnh các khía cạnh như chia sẻ quyền ra quyết định giữa giáo viên và học sinh, (hoặc giữa các giáo viên, học sinh và cộng đồng), và hiện tại SBCD thể hiện như lý tưởng trong bản thân nội bộ các tổ chức.

Theo quan niệm của tổ chức OECD về SBCD (1979) thì có nhiều cơ quan có trách nhiệm trong phát triển chương trình nhà trường. Các cơ quan này bao gồm Bộ Giáo dục, các cơ quan giáo dục địa phương, hiệp hội giáo viên, hội phụ huynh, cộng đồng, đảng phái chính trị, các phương tiện truyền thông đại chúng....

Sự tham gia của các bên có liên quan trong phát triển chương trình nhà trường có sự tham gia được thể hiện trong bảng sau:

Bên ngoài	Bên trong
■ Các nhà làm chính sách ■ Các nhà quản lý giáo dục, đào tạo cấp Bộ, tỉnh, huyện ■ Các chuyên gia về giáo dục và đào tạo ■ Các cơ quan/ cơ sở sử dụng nguồn nhân lực được đào tạo ■ Khách hàng: phụ huynh học sinh, nông dân, cộng đồng,... ■ Nhà tài trợ ■ Cựu sinh viên/ học sinh ■ Các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức xã hội ■ Nhà xuất bản sách	■ Các nhà quản lý đào tạo cấp trường/ đơn vị ■ Giảng viên, đào tạo viên ■ Sinh viên, học sinh ■ Nhóm viết chương trình ■ Kỹ thuật viên và những người phục vụ giảng dạy, đào tạo.

Dù là thành phần bên trong hay bên ngoài nhà trường thì xét về vai trò, các bên có liên quan được chia thành: **Các thành phần liên quan trực tiếp**: Là những người có mối liên hệ trực tiếp với nhà trường, có quyền ra quyết định để có thể tác động trực tiếp đến hoạt động của nhà trường; các thành phần **liên quan gián tiếp**: Là những nhóm người chỉ có lợi ích gián tiếp trong nhà trường song cũng chịu sự ảnh hưởng bởi các hoạt động của nhà trường. Như vậy, những thành phần khác nhau tham gia phát triển chương trình nhà trường bao gồm những bên liên quan trực tiếp, bên trong nhà trường như: Giáo viên, Học sinh, Hội đồng trường; các bên liên quan bên ngoài nhà trường như: Phụ huynh, Cộng đồng, Các nhóm xây dựng chương trình, Chính quyền địa phương, Các cơ quan quản lý giáo dục địa phương, Các tổ chức độc lập, các doanh nghiệp địa phương.

2.3 Quy trình phát triển chương trình có sự tham dự

Robert M. Diamond (2003) quan niệm phát triển chương trình cần được tiếp cận như một quá trình liên tục hướng đến mục tiêu tạo cơ hội học tập tốt hơn cho người

học. Quá trình đó bao gồm các hoạt động được chia thành các bước như sau: Phân tích tình hình về nhu cầu, điều kiện,...; xác định mục tiêu; thiết kế nội dung (các khái niệm); thực thi chương trình vào thực tế; đánh giá chương trình để có sự chỉnh sửa phù hợp. Quá trình này gồm 5 bước liên tục và khép kín được sơ đồ hóa như sơ đồ 1.



Sơ đồ 1. Các bước phát triển chương trình

Cách sắp xếp như trên cho thấy đây là một quá trình diễn ra liên tục với mục tiêu hoàn thiện không ngừng, không thể tách rời bất kì một khâu riêng rẽ nào ra khỏi toàn thể.

Theo tiếp cận phát triển chương trình nhà trường có sự tham gia, mỗi bên có liên quan đều có vai trò nhất định trong quy trình.

3. Thực trạng sự tham gia của các bên liên quan trong phát triển chương trình nhà trường phổ thông Việt Nam

Nghiên cứu lựa chọn khách thể bao gồm 100 CB quản lý (Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng, trưởng bộ môn) và GV của các trường THCS thuộc 03 thành phố: Thành phố Việt Trì tỉnh Phú Thọ; thành phố Ninh Bình tỉnh Ninh Bình; thành phố Hà Tĩnh tỉnh Hà Tĩnh. Số lượng mẫu được lựa chọn ngẫu nhiên đảm bảo được ý nghĩa thống kê.

Kết quả nghiên cứu được thể hiện trong bảng số liệu 1 và 2.

Bảng 1: Mức độ và hiệu quả tham gia của các thành phần trong phát triển chương trình nhà trường

Cronbach's Alpha	Cronbach's Alpha Based on Standardized Items	N of Items
0,79	0,805	9

	Các thành phần tham gia phát triển chương trình nhà trường	ĐTB	Xếp hạng	Độ lệch chuẩn	Mức độ tham gia			ĐTB	Xếp hạng	Độ lệch chuẩn	Hiệu quả tham gia		
					Tỉ lệ % theo điểm chuẩn						Tỉ lệ % theo điểm chuẩn		
					Không thường xuyên	Thường xuyên	Rất thường xuyên				Yếu	Trung bình	Tốt
1	Giáo viên	2,82	1	0,389	0	17,9	82,1	2,74	1	0,44	0	25,6	74,4
2	Học sinh	2,21	5	0,77	20,5	38,5	41	2,10	4	0,72	20,5	48,7	30,8
3	Phụ huynh	1,72	7	0,51	30,8	66,7	2,6	1,62	8	0,59	43,6	51,3	5,1
4	Hội đồng trường	2,46	3	0,64	7,7	38,5	53,8	2,33	3	0,66	10,3	46,2	43,6
5	Cộng đồng	1,79	6	0,57	28,2	64,1	7,7	1,77	6	0,63	33,3	56,4	10,3
6	Các nhóm xây dựng chương trình	2,54	2	0,76	15,4	15,4	69,2	2,36	2	0,78	17,9	28,2	53,8
7	Chính quyền địa phương	1,62	8	0,54	41	56,4	2,6	1,56	9	0,68	53,8	35,9	10,3
8	Các cơ quan quản lý giáo dục địa phương	2,41	4	0,72	12,8	33,3	53,8	2,08	5	0,74	23,1	46,2	30,8
9	Các tổ chức độc lập, các doanh nghiệp địa phương	1,56	9	0,50	43,6	56,4	0	1,64	7	0,67	46,2	43,6	10,3

Nhìn vào bảng số liệu ta thấy giáo viên là thành phần nhận được đánh giá cao nhất của các khách thể khảo sát trong phát triển chương trình nhà trường trên

cả hai bình diện mức độ tham gia và hiệu quả tham gia với ĐTB đạt 2,82 và 2,74. Cùng thuộc nhóm được đánh giá cao còn có “Các nhóm xây dựng chương trình” với

ĐTB đạt 2,54 và 2,36; “Hội đồng trường” với ĐTB đạt 2,46 và 2,3.

Nhóm các bên có liên quan tham gia chưa nhiều và hiệu quả tham gia chưa cao bao gồm: “Các tổ chức độc lập, các doanh nghiệp địa phương” với ĐTB đạt 1,56 và 1,6; “Chính quyền địa phương” với ĐTB đạt 1,62 và 1,56.

Qua trao đổi, H1 trên địa bàn thành phố Việt Trì cho biết, giáo viên là người trực tiếp thực thi nội dung chương trình trong lớp học phụ trách nên họ là người chủ động thiết kế chương trình theo đặc điểm học sinh sao cho vẫn đảm bảo khung chương trình quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Một PH1 ở thành phố Ninh Bình lại nhấn mạnh vai trò của các bên có liên quan bên trong nhà trường vì họ là những người có chuyên môn, am hiểu, được đào tạo và bồi dưỡng về chương trình nên thuận lợi trong biên soạn. Các bên có liên quan bên ngoài sẽ là nơi tham khảo ý kiến nhưng số lượng được tham khảo rất ít và không thường xuyên. Thậm chí, một số thành phần không bao giờ

tham gia vào phát triển chương trình nhà trường. H2 tại Hà Tĩnh cho biết: Thành phần tham gia chủ yếu là các bên có liên quan trực tiếp tới nhà trường vì Luật giáo dục và bản thân chương trình hiện hành chưa trao nhiều quyền cho nhà trường trong phát triển chương trình và huy động các bên có liên quan. Trong thời gian tới khi chương trình giáo dục phổ thông mới đi vào thực hiện, nhiều điểm mới buộc hiệu trưởng phải trở thành người điều phối trong phát triển chương trình cho phù hợp với thực tiễn đội ngũ, học sinh, và cơ sở vật chất của nhà trường.

Bảng 2: Các thành phần tham gia vào quy trình phát triển chương trình nhà trường

Cronbach's Alpha	Cronbach's Alpha Based on Standardized Items	N of Items
0,804	0,812	5

STT	Các bước phát triển chương trình nhà trường có sự tham gia	ĐTB	Xếp hạng	Độ lệch chuẩn	Mức độ tham gia			ĐTB	Xếp hạng	Độ lệch chuẩn	Hiệu quả tham gia		
					Tỉ lệ % theo điểm chuẩn						Tỉ lệ % theo điểm chuẩn		
					Không thường xuyên	Thường xuyên	Rất thường xuyên				Yếu	Trung bình	Tốt
1	Phân tích bối cảnh	2,62	4	0,59	5,1	28,2	66,7	2,59	2.5	0,64	7,7	25,6	66,7
2	Xác định mục tiêu/ chuẩn đầu ra	2,64	2.5	0,58	5,1	25,6	69,2	2,67	1	0,58	5,1	23,1	71,8
3	Thiết kế chương trình	2,64	2.5	0,67	10,3	15,4	74,4	2,56	4	0,68	10,3	23,1	66,7
4	Thực thi chương trình	2,72	1	0,65	10,3	7,7	82,1	2,59	2.5	0,68	10,3	20,5	69,2
5	Đánh giá chương trình	2,56	5	0,64	7,7	28,2	64,1	2,41	5	0,75	15,4	28,2	56,4

Nhìn vào bảng số liệu ta thấy, các bên có liên quan tham gia hiệu quả nhất vào thực thi chương trình với ĐTB đạt 2,72, sau đó là đến thiết kế chương trình và xây dựng mục tiêu, chuẩn đầu ra với ĐTB đạt 2,64. Hiệu quả tham gia tốt nhất lại là xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra cho chương trình với ĐTB đạt 2,67. Khi trao đổi với GV1 tại thành phố Hà Tĩnh, họ cho rằng, họ là người thực hiện chương trình trong thực tiễn nên họ tham gia sâu vào quy trình này hơn các bộ phận khác H3 một trường THCS còn cho biết, định kỳ theo các chủ đề được xây dựng sẽ mời các bên có liên quan như cảnh sát, quân đội hay chính quyền địa phương tham gia vào tuyên truyền các hoạt động cho nhà trường. Tuy nhiên, hiệu quả chưa cao và tính ứng dụng chưa nhiều, vẫn mang tính lý thuyết.

Tiêu chí có điểm trung bình thấp nhất là: “Đánh giá chương trình” với ĐTB đạt 2,56 và 2,41. Các khách thể khảo sát đều cho rằng đây là công việc của Bộ giáo dục và Đào tạo và các nhà biên soạn sách giáo khoa chứ không phải là công việc của giáo viên, cán bộ quản lý cấp trường.

Kết quả nghiên cứu thực trạng cho thấy, các bên có liên quan gián tiếp tham gia mờ nhạt vào phát triển chương trình nhà trường. Thậm chí, các bên liên quan trực tiếp cũng chỉ đóng vai trò quan trọng trong khâu thực thi chương trình. Trao đổi với GV2 và PH2 về vấn đề này, họ đều nhất trí với nguyên nhân do cách thức áp dụng một chương trình, một bộ sách giáo khoa và theo

tiếp cận nội dung mà Việt Nam đang thực thi trong thời gian qua. Với cách tiếp cận phát triển chương trình như thế, giáo viên và nhà trường không có nhiều khoảng trống để huy động các bên có liên quan vào phát triển chương trình. Chương trình được định hình và quy định sẵn từ trên xuống dưới.

Hiện tại, Việt Nam đang tiến hành đổi mới giáo dục toàn diện (Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013), chương trình giáo dục phổ thông tổng thể của Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017) xác định: “Chương trình chỉ quy định những nguyên tắc, định hướng chung về yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của học sinh, nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục và phương pháp đánh giá kết quả giáo dục, không quy định quá chi tiết, để tạo điều kiện cho tác giả sách giáo khoa và giáo viên phát huy tính chủ động, sáng tạo trong thực hiện chương trình” và “Chương trình bảo đảm định hướng thống nhất và những nội dung giáo dục cốt lõi, bắt buộc đối với học sinh toàn quốc, đồng thời trao quyền chủ động và trách nhiệm cho địa phương và nhà trường trong việc lựa chọn, bổ sung một số nội dung giáo dục và triển khai kế hoạch giáo dục phù hợp với đối tượng giáo dục và điều kiện của địa phương, của cơ sở giáo dục, góp phần bảo đảm kết nối hoạt động của nhà trường với gia đình, chính quyền và xã hội”. Như vậy, với đổi mới giáo dục hiện nay, sự tham gia của các bên có liên quan sẽ được mở rộng cả về mức độ tham gia và hiệu quả của quá trình tham gia.

4. Đề xuất một số biện pháp

Biện pháp quan trọng nhất và cần thực hiện để tăng cường sự tham gia của các bên có liên quan đáp ứng đổi mới giáo dục hiện nay là nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên, các thành phần có liên quan (phụ huynh học sinh, chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể...) về vai trò, vị trí, nhiệm vụ trong phát triển chương trình. Thứ hai, các trường phổ thông chủ động lên phương án thay đổi cách thức phối hợp, lựa chọn nội dung phối hợp phù hợp với đặc điểm các bên có liên quan đến nhà trường để quá trình phát triển chương trình nhà trường đạt hiệu quả cao nhất. Thứ ba, tổ chức các chương trình bồi dưỡng thường xuyên và định kỳ cho các bên liên quan về phát triển chương trình nhà trường gắn với chương trình giáo dục phổ thông 2018. Chương trình cung cấp các kỹ năng phối hợp và kiến thức nền tảng về phát triển chương trình nhà trường gắn với đổi mới giáo dục để các bên có liên quan tham gia một cách có trách nhiệm và chất lượng.

5. Kết luận

Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đòi hỏi những thay đổi trên nhiều phương diện của giáo dục trong đó có một khâu then chốt là phát triển chương trình nhà trường. Sự tham gia của đa dạng các bên có liên quan là cơ sở để chương trình được biên soạn sát với thực tiễn giáo dục của nhà trường nhất là phù hợp với học sinh và những bên liên quan khác. Thực trạng còn nhiều hạn chế về thành phần tham gia và hiệu quả tham gia của các bên có liên quan trong phát triển chương trình cho thấy Việt Nam cần những điều chỉnh về phát triển chương trình nếu như những đổi mới về giáo dục diễn ra.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Arieh Lewy, 1991. *National and school-based curriculum development. The United Nations*, Paris, 127 pages.

Ban chấp hành TW Đảng Cộng sản Việt Nam, 2013. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định

hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Hà Nội.

Robert M. Diamond, 2003. Xây dựng và đánh giá môn học và chương trình học (Designing and Assessing Courses and Curricula). Tp Hồ Chí Minh: Tài liệu dịch thuật lưu hành nội bộ, Tủ sách Đại học Nông Lâm.

- Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2014. Nghị quyết số 88-NQ/2014/QH13 ngày 28/11/2014 Về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông. Hà Nội.
- Masahiro Arimoto, 2012. A note to examine the possibility for Makiguchi Pedagogy to be able to cover the philosophy of SBCD (School-Based Curriculum Development). Scholar Journals, Soka University.
- Rachel Bolstad, 2004. School-based curriculum development: principles, processes and practices - A background paper on school-based curriculum development for the New Zealand Curriculum Project. Wellington, New Zealand, 97 pages.
- W. Reid, 1987. The functions of SBCD: a cautionary note. In N.Sabar, J.Rudduck, & Reid (eds.), Partnership and autonomy in school-based curriculum development, University of Sheffields: Division of Education: 115-124.
- The commonwealth of learning, 2000. Module 13: Curriculum Theory, Design and Assessment. In General Education Modules for Upper Primary and Junior Secondary Teachers of Science, Technology and Mathematics by Distance in the Southern African Development Community (SADC). Vancouver, Canada, 79 pages.
- Malcolm Skilbeck, 1984. School-based curriculum development. Harper & Row Ltd, London, England, 307 pages.
- Colin J. Marsh, Christopher Day, Lynne Hannay & Gail McCutcheon, 1990. Reconceptualizing school-based curriculum development. Palmer Press (A member of the Taylor & Francis Group), London – New York – Philadelphia, 237 pages.